

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11-6-2020.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG – TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Hồng Hà và bà Trần Thị Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện VKSND huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa: Bà Tống Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 71/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/4/2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19-5-2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05-6-2020, giữa các đương sự:

1 - Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Ng, sinh năm 1976. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD.

2 - Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1975. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn G, thị trấn LC, huyện CG, tỉnh HD.

3 - Người làm chứng:

3.1. Bà Nguyễn Thị Ng1, sinh năm 1955. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD.

3.2. Ông Trần Nhật K, sinh năm 1955. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn G, thị trấn LC, huyện CG, tỉnh HD.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: Chị Hoàng Thị Ng và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 02 năm 1996 tại UBND thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, chị Ng về chung sống cùng anh T với gia đình nhà chồng ở

thị trấn Lai Cách. Năm 2008, do kinh tế khó khăn, vợ chồng chị bàn bạc cho chị đi lao động tại Đài Loan một thời gian. Sang Đài Loan lao động, có tiền là chị gửi ngay về cho anh T để trả nợ và lo cho gia đình cùng các con. Hết thời hạn 03 năm, chị về Việt Nam. Lúc này, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T mãi chơi, có hiện tượng cờ bạc và không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị Ng vẫn bỏ qua và tiếp tục đi lao động tại Đài Loan một đợt 03 năm nữa. Khi về nước, chị thấy anh T không thay đổi cách sống nên chị đã mang con về nhà bố mẹ đẻ ở hẳn mà không về chung sống cùng anh T nữa. Ở Việt Nam được khoảng 20 ngày, chị tiếp tục sang Đài Loan lao động thêm 03 năm. Đến tháng 9 năm 2019, chị về hẳn Việt Nam. Vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa, chị đề nghị được ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Trần Hoàng Th, sinh ngày 27-5-1996. Cháu Th đã trưởng thành, có gia đình riêng. Chị không có yêu cầu gì. Cháu thứ hai là Trần Thị Huyền Tr, sinh ngày 14-9-2002. Cháu Tr đang ở với chị Ng. Khi ly hôn, chị Ng xin được nuôi cháu Tr. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay nợ chung, không có công sức chung, chị Ng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn – anh T đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không ký nhận, không trình bày quan điểm và không đến Tòa án làm việc mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần.

Kết quả xác minh tại địa phương:

Ông Trưởng thôn Gạch, thị trấn Lai Cách cung cấp: Anh T và chị Ng kết hôn và có chung sống cùng bố mẹ anh T là ông bà K tại thôn Gạch. Vợ chồng chung sống bình thường một thời gian thì chị Ng đi Đài Loan lao động. Từ đó, không thấy chị Ng về sống cùng anh T và gia đình nhà chồng nữa. Tuy nhiên, thỉnh thoảng chị Ng có về thăm bố mẹ chồng. Nguyên nhân vì sao thì ông không nắm được.

Ông Trưởng thôn Phú An, xã Cao An cung cấp: Chị Ng và anh T kết hôn với nhau xong thì sống tại thị trấn Lai Cách. Vợ chồng có mâu thuẫn từ rất lâu rồi. Chị Ng đi nước ngoài về thì không sống cùng anh T và gia đình chồng nữa mà về gia đình nhà đẻ ở cùng hai con. Vợ chồng sống ly thân đã lâu. Không thấy anh T sang gia đình chị Ng. Nguyên nhân vì sao thì ông không biết. Anh T và chị Ng có hai con chung, cháu lớn đã trưởng thành, cháu bé vẫn ở cùng chị Ng. Chị Ng có đủ điều kiện nuôi con vì có chỗ ở và thu nhập ổn định.

Người làm chứng - ông Trần Nhật K trình bày: Ông là bố đẻ của anh T. Anh T và chị Ng kết hôn xong thì ở cùng gia đình ông. Do kinh tế khó khăn, hai bên gia đình đã vay mượn, hỗ trợ cho chị Ng đi lao động ở Đài Loan. Sau một thời gian, chị Ng đã gửi tiền về để trả hết số nợ mà gia đình ông đã vay hộ cho chị Ng đi Đài Loan. Hết hạn 03 năm, chị Ng lại đi tiếp mà không báo cho gia đình ông biết. Chị Ng còn đi mấy đợt nữa. Đến tháng 8, tháng 9 năm 2019, ông được biết chị Ng đã về Việt Nam. Từ đó đến nay, chị Ng không về gia đình ông chung sống cùng anh T nữa. Chỉ thỉnh thoảng qua thăm nom mẹ chồng. Nguyên nhân vì sao thì ông không biết. Anh chị có hai con chung. Lúc

còn nhỏ, các cháu ở với bố cháu và gia đình ông. Gần đây, cả hai cháu về sống cùng chị Ng và ông bà ngoại.

Bà Nguyễn Thị Ng1 - là mẹ đẻ của chị Ng trình bày: Chị Ng và anh T kết hôn với nhau từ năm 1996. Do vợ chồng có mâu thuẫn nên sau khi đi nước ngoài về, chị Ng đã về ở cùng gia đình bà đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường chơi bời, cờ bạc, thất thoát kinh tế gia đình. Hai bên gia đình đã hòa giải khuyên can nhưng anh T không thay đổi. Anh T có sang đón chị Ng về nhiều lần nhưng chị Ng không đồng ý. Anh chị có hai con chung. Cháu lớn đã trưởng thành, cháu bé ở với chị Ng và gia đình bà từ nhỏ đến nay.

Cháu Trần Thị Huyền Tr có nguyện vọng được ở với chị Ng.

Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được do anh T vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị đề nghị Toà án cho chị được ly hôn anh T vì chị xác định anh T không thay đổi cách sống, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Khi ly hôn, chị xin được nuôi con chung là Trần Thị Huyền Tr. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Ng, xử cho chị Ng ly hôn anh T. Về con chung: Giao con chung là Trần Thị Huyền Tr, sinh ngày 14-9-2002 cho chị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ng không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Chị Ng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn đã được tranh tụng tại phiên tòa, bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng:** Anh Trần Văn T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng; Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Anh T không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên tòa tức là anh đã tự từ

bỏ quyền lợi, nghĩa vụ của anh khi tham gia tổ tụng.

[2]. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Hoàng Thị Ng và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 29-02-1996 tại UBND xã thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Như vậy, hôn nhân giữa chị Ng và anh T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh T. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, năm 2008, chị Ng đi lao động tại Đài Loan. Hết thời hạn 03 năm, chị Ng về Việt Nam. Thời gian này, anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Ng, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T mãi chơi, không quan tâm đến gia đình vợ con. Chị đã bỏ qua và ở nhà khoảng 20 ngày thì chị tiếp tục đi Đài Loan lao động 3 năm. Do anh T không thay đổi cách sống nên khi về Việt Nam, chị không về chung sống cùng anh T nữa mà mang hai con về gia đình bố mẹ đẻ ở. Sau đó, chị tiếp tục đi lao động tại Đài Loan một đợt 03 năm nữa cho đến tháng 9 năm 2019, chị về hắt Việt Nam và ở cùng bố mẹ đẻ chị và các con. Anh chị sống ly thân nhau đã lâu. Lời khai của chị Ng về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với lời khai của người làm chứng, cung cấp của địa phương và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn giữa chị Ng và anh T là có thật và đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, anh chị sống ly thân nhau đã lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị Ng, cho chị Ng được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. **Về con chung:** Anh chị có hai con chung. Cháu lớn là Trần Hoàng Th, sinh ngày 27-5-1996. Cháu Th đã trưởng thành, có gia đình riêng. Chị Ng không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Cháu thứ hai là Trần Thị Huyền Tr, sinh ngày 14-9-2002. Cháu Tr đang ở với chị Ng.

Hội đồng xét xử thấy chị Ng có điều kiện về kinh tế và chỗ ở cũng như các điều kiện khác để nuôi con. Cháu Tr có nguyện vọng được ở với chị Ng. Anh T không có quan điểm gì.

Việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo cho các cháu ổn định về tâm lý cũng như học tập. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị Ng. Khi ly hôn, giao con chung là Trần Thị Huyền Tr cho chị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thời gian giao con từ tháng 6 năm 2020 đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ng không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là phù hợp các quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4]. **Về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung, công sức chung:** Chị Ng không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. **Về án phí:** Chị Hoàng Thị Ng phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147. Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Ng ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Khi ly hôn, giao con chung Trần Thị Huyền Tr, sinh ngày 14-9-2002 cho chị Hoàng Thị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thời gian giao con từ tháng 6 năm 2020 đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ng không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Anh Trần Văn T được quyền, nghĩa vụ thăm nom chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí mà chị Ng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000022 ngày 16-4-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị Ng đã thi hành xong tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục thi hành án huyện Cẩm Giàng;
- UBND TT Lai Cách;
- Các đương sự;
- Lưu VP TA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thúy Hằng

